

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST.
Ngày: 31-01-2023.
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Diệp;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc: “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 565/2022/QĐXXST- DS ngày 20/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST – DS ngày 10/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Tuấn V**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 153, đường Lê Duẩn, tổ 50, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Võ Thanh D**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 538, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 538, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

(Anh V, bà A có mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Lê Tuấn V là nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/6/2022, anh Võ Thanh D có vay của anh Lê Tuấn V số tiền 350.000.000 đồng để làm ăn, khi vay anh D có viết tờ cam kết, ký tên. Anh D

hẹn đến ngày 30/8/2022 sẽ trả đủ số tiền vay cho anh V. Do là chỗ quen biết nên khi vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Khi anh D vay tiền của anh V có cam kết là nếu không trả tiền thì sẽ giao nhà và quán cơm của anh D cho anh V, đồng thời bà Nguyễn Thị Ngọc Á là mẹ ruột của anh D bảo lãnh cho anh D và cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với số tiền anh D vay của anh V. Tuy nhiên, khi đến hạn trả tiền thì Duy không trả đúng như thỏa thuận, bà A cũng không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết với anh V mặc dù anh V đã yêu cầu nhiều lần.

Nay anh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc anh Võ Thanh D và bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V 350.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, anh V xác định kiện hợp đồng vay tài sản, chỉ yêu cầu anh Võ Thanh D trả số tiền vay là 350.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Không yêu cầu bà A liên đới với anh D để trả số tiền trên.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 24/11/2022 bị đơn anh Võ Thanh D trình bày:

Anh D và anh V là bạn bè, do thiếu tiền làm ăn nên anh D có vay của anh V số tiền 250.000.000 đồng vào tháng 6 năm 2021, lãi suất thỏa thuận 5%/ngày. Trong 10 ngày, chuyển khoản tiền lãi cho anh V số tiền 15.000.000 đồng trên số tiền vốn là 250.000.000 đồng. Anh D đã đóng lãi từ tháng 6/2021 đến tháng 6/2022. Tháng 5/2022 anh D có vay thêm của anh V số tiền 100.000.000 đồng, đến cuối tháng 5/2022 anh D có trả được 50.000.000 đồng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên anh D có chậm đóng lãi cho anh D 03 kỳ lẻ mấy ngày với số tiền là 50.000.000 đồng. Nên đến ngày 02/6/2022 anh D có viết cam kết với nội dung có mượn của anh Lê Tuấn V số tiền 350.000.000 đồng. Từ ngày 02/6/2022 đến khoảng ngày 10/9/2022 anh D có đóng lãi cho anh V bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng Sacombank mỗi ngày, mỗi ngày nộp lại là 1.750.000 đồng. Lúc làm ăn thuận lợi thì đóng mỗi ngày, có khi thì 02 ngày, 03 ngày thì đóng 01 lần.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuấn V thì anh D chỉ đồng ý một phần. Do số tiền 350.000.000 đồng là do cá nhân anh D vay để làm ăn, không liên quan gì đến mẹ anh D là bà Nguyễn Thị Ngọc Á. Do đó, anh D mong Tòa án xem xét giảm một phần tiền vốn do anh D đã đóng lãi cao cho anh V. Và cá nhân anh D sẽ trả cho anh V số tiền còn lại, không đồng ý bà A liên đới trả.

Anh Võ Thanh D đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng anh D có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày:

Bà A là mẹ ruột của anh Võ Thanh D. Ngày 02/6/2022, anh D có vay tiền của anh V số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), anh D có ký tên là người mượn tiền và bà có ký tên là người bảo lãnh. Theo như anh D

trình bày thì đã có trả cho anh V tiền lãi và một phần vốn của số tiền trên qua chuyển khoản ngân hàng, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ. Do bà đã lớn tuổi, không có lao động nên không đồng ý liên đới cùng với anh D trả tiền cho anh V, không đồng ý trả tiền về nội dung bảo lãnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Tờ cam kết ngày 02/6/2022 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Lê Tuấn V yêu cầu anh Võ Thanh D phải có trách nhiệm trả cho anh V số tiền 350.000.000 đồng. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa các đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn, các bên có thỏa thuận ngày trả nợ là đến ngày 30/8/2022; do đó thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 30/8/2022; căn cứ vào quy định tại Điều 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án này vẫn còn.

[4] Anh Võ Thanh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Thanh D.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu của anh Lê Tuấn V yêu cầu anh Võ Thanh D trả số tiền vay là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

[5.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 02/6/2022, giữa nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 350.000.000 đồng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng Tờ cam kết ngày 02/6/2022 (bản chính) có chữ ký và ghi họ tên người mượn là Võ Thanh D, người bảo lãnh Nguyễn Thị Ngọc A đã thể hiện đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu khởi kiện hợp đồng vay đối với anh D là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.2] Bị đơn anh Võ Thanh D thừa nhận có ký tên vào tờ biên nhận ngày 02/6/2022, tuy nhiên đó là số tiền tổng sau khi anh D mượn nhiều lần và bao gồm cả lãi chậm trả. Do đó anh D chỉ đồng ý trả một phần tiền vốn do anh D đã đóng lãi cao cho anh V. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, anh D không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[5.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc A thừa nhận có ký tên vào tờ biên nhận ngày 02/6/2022, tuy nhiên bà không có nhận tiền của anh V. Bà yêu cầu không liên quan đến vụ án, không đồng ý liên đới với anh D để trả tiền và không tự nguyện trả tiền cho anh V với tư cách là người bảo lãnh.

[5.4] Như vậy, việc anh Võ Thanh D có vay của anh Lê Tuấn V số tiền 350.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi vay tiền đến nay anh D vẫn chưa trả được số tiền nói trên cho anh V như đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của anh V là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với nghĩa vụ liên đới: Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu liên đới đối với bà Nguyễn Thị Ngọc A là tự nguyện và phù hợp theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bà A cùng liên đới với anh D trả cho anh V số tiền 350.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tuấn V.

[8] Về án phí: Anh Võ Thanh D có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 429, Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Tuấn V.

Buộc anh Võ Thanh D trả cho anh Lê Tuấn V số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tuấn V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Á cùng liên đới với anh D trả cho anh V số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí:

Anh Võ Thanh D có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Lê Tuấn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014609 ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh